



THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
7h30-8h00	1/ Đón khách và đăng ký cổ đông - Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông đăng ký cổ đông - Phát tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết	Ban kiểm tra TCCĐ
8h00-08h20	2/ Thủ tục bắt đầu Đại hội - Chào cờ - hát Quốc ca - Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra TCCĐ
	- Giới thiệu Chủ tọa điều hành Đại hội	Ban tổ chức
	- Giới thiệu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	Chủ tọa đại hội
	- Thông qua chương trình và Quy chế Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	BĐH
8h20-09h20	3/ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành trình bày các báo cáo sau:	
	3.1 Báo cáo của HĐQT Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Chủ tịch HĐQT
	3.2 Báo cáo của Ban kiểm soát Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, GĐ năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Trưởng BKS
	3.3 Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 (tóm tắt)	Kế toán trưởng
9h20-09h40	4/ Báo cáo nội dung Tờ trình về các vấn đề cần ĐHCĐ phê chuẩn	HĐQT
09h40-10h00	5/ Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024	Chủ tọa, Ban kiểm phiếu
10h00-10h15	Nghỉ giải lao	
10h15-10h25	6/ Báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên BKS	Ban kiểm phiếu
10h25-10h45	7/ Thảo luận các vấn đề của Đại hội	Chủ tọa đại hội
10h45-11h00	8/ Biểu quyết thông qua từng nội dung trong Tờ trình về các vấn đề cần ĐHCĐ phê chuẩn	Chủ tọa đại hội
11h00-11h15	9/ Báo cáo kết quả biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h15-11h30	10/ Thông qua Nghị quyết Đại hội và Biên bản Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	Ban thư ký, Chủ tọa điều hành biểu quyết
11h30	11/ Tuyên bố bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày ____ tháng ____ năm 2021.

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;

Điều 1. Những quy định chung

- Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Quyền và ủy quyền tham dự Đại hội

- Cổ đông có quyền tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Giấy ủy quyền phải có chữ ký cổ đông ủy quyền và chữ ký của người được ủy quyền; Đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền.
- Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ BDHC và quy chế này. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

Điều 3. Nội quy tại Đại hội:

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội phải ăn mặc lịch sự và ngồi đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp;
- Không hút thuốc lá và không sử dụng điện thoại di động trong khi tham dự Đại hội (nếu thấy cần thiết đề nghị cổ đông để điện thoại theo chế độ rung và ra ngoài Hội trường để trao đổi).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự:

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt (23/3/2021) quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội:

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền) và thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông) có ghi tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải xin phép và có sự đồng ý của Chủ tọa và thông báo cho Ban thư ký.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa cho phép.
- Cổ đông người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 146, Luật Doanh nghiệp.
- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tọa điều hành Đại hội

- Điều hành Đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa của Đại hội cổ đông.
- Quyền, Nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

- + Chủ trì Đại hội cổ đông thường niên 2021.
- + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- + Làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử.
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết, bầu cử cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2021.

Điều 10. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

Điều 11. Thể lệ biểu quyết

Sau khi các cổ đông hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ gửi cho các cổ đông Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

1. Thẻ biểu quyết:

- Đặc điểm: Thẻ biểu quyết màu trắng, ghi thông tin của cổ đông gồm: Họ và tên cổ đông, mã cổ đông và tổng số cổ phần sở hữu và đại diện.
- Mục đích: Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức giơ thẻ biểu quyết, bao gồm:
 - + Thông qua người tham gia điều hành Đại hội cùng Chủ tọa.
 - + Thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu tại Đại hội.
 - + Thông qua Quy chế làm việc, biểu quyết của Đại hội.
 - + Thông qua chương trình Đại hội.
 - + Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
 - + Một số nội dung khác theo yêu cầu của Chủ tọa.
- Cách sử dụng: cổ đông thực hiện việc giơ thẻ biểu quyết để biểu quyết “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Ban tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đặc điểm: Phiếu biểu quyết màu trắng, được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, trên phiếu có ghi rõ họ và tên cổ đông, mã cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, số lượng cổ phần nhận ủy quyền, tổng số lượng cổ phần đại diện.
- Mục đích: Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Cách sử dụng: Trên phiếu biểu quyết, Ban tổ chức đã in đầy đủ các nội dung cần biểu quyết. Tương ứng với những nội dung cần biểu quyết có 3

phương án cần biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án cho từng nội dung biểu quyết và giơ thẻ để biểu quyết “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” theo điều hành của Chủ tọa.

- Phiếu biểu quyết là không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát hành
 - + Cổ đông nộp phiếu biểu quyết không có chữ ký
 - + Phiếu biểu quyết rách nát hoặc có viết thêm bất kỳ ký hiệu nào khác
 - + Phiếu biểu quyết bị tẩy, xoá, bị sửa chữa
 - + Phiếu biểu quyết có dấu (x) đánh vào 2 ô hoặc cả 3 ô biểu quyết.
- Điều kiện thông qua các vấn đề biểu quyết: các nội dung biểu quyết được thông qua khi đạt tỷ lệ biểu quyết tối thiểu quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trên đây là Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với 12 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Lưu: HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Thành Danh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

1. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị (HĐQT):

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đương nhiệm, gồm có 05 thành viên:

- | | |
|------------------------------|-------------------|
| 1. Ông Vũ Thành Danh | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trần Hoài Nam | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Văn Tuấn | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Lê Hoàng Triều | - Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hương Giang | - Thành viên HĐQT |

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020:

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Theo Nghị quyết ĐH ĐCĐ 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu	284.682,37	323.010,05	113,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	41.457,81	76.668,77	184,93%
3	Lợi nhuận sau thuế	39.384,92	72.161,89	183,22%
4	Cổ tức (trình ĐHĐCĐ thông qua)	6%	10% (5% tiền mặt, 5% cổ phiếu)	166,67%

- Về doanh thu: tổng doanh thu năm 2020 thực hiện là 323.010,05 triệu đồng, vượt 13,46% tương đương số tiền 38.327,68 triệu đồng so với kế hoạch năm 2020.
- Về lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế đạt 72.161,89 triệu đồng, vượt 83,22% tương đương số tiền 32.776,97 triệu đồng so với kế hoạch năm 2020.

2.2 Phân phối lợi nhuận năm 2019:

HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện
I	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	182.725.986.687	182.725.986.687
II	Phân phối lợi nhuận: (1) + (2) + (3) + (4) + (5)	99.739.492.804	99.738.385.156
1	Cổ tức bằng tiền (5%)	26.463.459.000	26.462.351.352
2	Cổ tức bằng cổ phiếu (13,4%)	70.922.070.120	70.920.240.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.763.963.684	1.763.963.684
4	Quỹ khen thưởng người quản lý	590.000.000	590.000.000
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (xử lý cổ phiếu lẻ)		1.830.120
III	Lợi nhuận để lại	82.986.493.883	82.987.601.531

2.3 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Người quản trị Công ty năm 2020:

Tổng quỹ thù lao thực hiện: 738.000.000 đồng.

2.4 Thực hiện chi trả cổ tức:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty, Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ là 18,399%, trong đó:

- + Cổ tức bằng cổ phiếu: 13,4% tương đương số tiền 70.922.070.120 đồng
- + Cổ tức bằng tiền đợt 1: 4,999% tương đương số tiền 26.462.351.352 đồng

Phần cổ tức bằng tiền còn lại: 1.107.648 đồng đối với cổ tức lẻ, Công ty xin ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ năm 2021 cho phép ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

2.5 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã quyết định chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH DVTV Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

3. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 14 phiên họp, trong đó có 03 cuộc họp tập trung và 11 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

Trong năm qua đã ban hành 27 nghị quyết, quyết định chỉ đạo công tác SXKD (Phụ lục đính kèm).

4. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Ban Giám đốc:

4.1. Hoạt động chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban Giám đốc và chỉ đạo kịp thời để thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020 đề ra và nghị quyết của HĐQT.

HĐQT tổ chức họp thường kỳ để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra những giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty.

Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

4.2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc:

4.2.1 Đánh giá chung:

Năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của BDHC gặp nhiều khó khăn và thử thách. Toàn xã hội đối mặt với đại dịch Covid-19, đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Trong những tháng đầu năm 2020, tình hình thời tiết nắng, khô hạn kéo dài, không thuận lợi cho công tác sản xuất kinh doanh điện năng. Từ tháng 08 trở đi thời tiết chuyển sang mưa bão, gây lụt diện rộng. Tuy nhiên, nhờ sự nhận định kịp thời của Ban Giám đốc cũng như HĐQT về công tác chuẩn bị sản xuất đảm bảo không bị động trước diễn biến thay đổi bất thường của thời tiết và sự cố gắng của toàn thể người lao động nên tổng sản lượng phát điện năm 2020 của nhà máy đạt 274,56 triệu kWh, đạt 119,38% so với kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Thực hiện 2019	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2020	So với năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	284.682,37	323.010,05	319.703,55	113,46%	101,03%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	243.224,56	246.341,28	195.796,47	101,28%	125,81%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	41.457,81	76.668,77	123.907,08	184,93%	61,88%

4.2.2 Công tác thị trường điện

Trong thời gian vừa qua, BĐH đã chỉ đạo các phòng, phân xưởng phối hợp với các đơn vị phát điện trên dòng sông, để có phương án vận hành tối ưu nhất, không để xảy ra trường hợp phải xả nước thừa.

Tuy nhiên, năm 2020 giá huy động thị trường điện thấp, giá bình quân là 880 đồng/kWh, doanh thu khi tham gia thị trường năm 2020 giảm 7,4 tỷ đồng so với giá hợp đồng.

4.2.3 Công tác vận hành nhà máy và an toàn bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ

BĐH đã chỉ đạo tốt công tác kiểm tra an toàn định kỳ và đột xuất, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, tổ chức lớp học an toàn cho toàn thể CBCNV công ty, tổ chức tập huấn và diễn tập về PCCC tại nhà máy đồng thời thường xuyên kiểm tra trang thiết bị PCCC đảm bảo các thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng hoạt động và kịp thời đáp ứng mọi chế độ vận hành của Trung tâm Điều độ hệ thống điện.

4.2.4 Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên

Công tác bảo trì sửa chữa của nhà máy, thường xuyên được BĐH quan tâm, chỉ đạo. Trong năm, thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo công tác vận hành an toàn. Cụ thể:

- Thường xuyên kiểm tra tuyến kênh và các công trình trên kênh để kịp thời phát hiện những sự cố, đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.

- Thường xuyên tiến hành vệ sinh, khơi thông dòng chảy tại các xi phông nhỏ để đảm bảo dòng chảy.

- Tại các xi phông lớn Đắc Huar và Ndraik: Thực hiện nạo vét bùn cát bồi lắng phía trước cửa vào, cửa ra và cả trong lòng xi phông.

- Thực hiện công tác lặn kiểm tra cửa van cống xả nước môi trường đầu kênh, vớt rác tại cửa nhận nước và kiểm tra toàn bộ hệ thống lưới chắn rác Nhà máy.

4.2.5 Công tác xây dựng trụ sở làm việc công ty:

Công trình thủy điện Srêpôk 4A đã đi vào vận hành từ năm 2014, cho đến nay trụ sở Công ty vẫn phải đi thuê. Tuy nhiên, địa điểm thuê hiện nay đang bị xuống cấp, Bên cho thuê yêu cầu trả lại để có kế hoạch sửa chữa. Để có sự ổn định về mặt tổ chức cũng như ổn định trong công tác sản xuất, BĐH đã trình HĐQT thông qua việc

triển khai xây dựng trụ sở làm việc vào năm 2021 tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT-BDHC ngày 7/11/2020 với quy mô và kinh phí như sau:

- + Diện tích xây dựng: 382 m²
- + Tổng số tầng: 5 tầng (1 tầng trệt và 4 tầng làm việc). Giai đoạn 1: 1 tầng trệt và 2 tầng làm việc. Giai đoạn 2: xây thêm 2 tầng làm việc.
- + Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng trụ sở giai đoạn 1: 8 tỷ đồng.
- + Tiến độ triển khai thi công: khởi công đầu quý II/2021, hoàn thành giai đoạn 1 vào quý IV/2021.

Từ tháng 10/2020 cho đến nay BDH đã chỉ đạo triển khai công tác tư vấn thiết kế, đo trích lục thửa đất công ty đã mua tại đường Thủ Khoa Huân và trình xin UBND tỉnh Đắk Lắk chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở Công ty. Tuy nhiên thửa đất này đang vướng quy hoạch dự án cơ sở hạ tầng khu liên gia 35, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất với quy mô 16,7 ha do BQLDA dân dụng tỉnh làm chủ đầu tư nên UBND tỉnh chưa đồng ý chủ trương xây dựng.

BDH đã báo cáo HĐQT và xin chủ trương thuê một địa điểm khác nhằm đáp ứng công tác xây dựng trụ sở và đảm bảo tiến độ hoàn thành trụ sở làm việc trong năm 2021.

4.2.6 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Dự án điện mặt trời Buôn Đôn có công suất lắp đặt 48MWp, với diện tích đất sử dụng cho dự án khoảng 49,7 ha, nằm bên bờ trái kênh dẫn nước công trình thủy điện Srêpôk 4A, thuộc địa phận thôn 5, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn đã được Bộ Công thương tiến hành thẩm định vào tháng 4/2018.

Theo báo cáo mới nhất số 84/BCT-ĐL ngày 7/01/2021 của Bộ Công thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc “Báo cáo kết quả rà soát điện mặt trời đã hoàn thành thẩm định toàn quốc” thì dự án điện mặt trời Buôn Đôn có công suất lắp đặt 48MWp nằm trong phụ lục số 01 của báo cáo này.

BDH sẽ tiếp tục triển khai các bước tiếp theo sau khi dự án được bổ sung vào quy hoạch điện VIII.

4.2.7 Phương án phát hành trái phiếu

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã ban hành nghị quyết về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo với giá trị 200 tỷ đồng nhằm mục đích tái cơ cấu lại vốn vay và tạo nguồn vốn lưu động để Công ty hoạt động kinh doanh và đảm bảo dòng tiền trong thời gian trả nợ. Trong năm vừa qua BDH đã làm việc với Bộ Tài Chính cũng như ngân hàng Sumitomo để lên phương án tái cấu trúc vốn vay được Chính phủ bảo lãnh tuy nhiên phương án không được chấp thuận.

BDH đã báo cáo HĐQT tạm thời chưa thực hiện phát hành trái phiếu trong năm 2020.

4.2.8 Về đời sống cán bộ công nhân viên

Đời sống CBCNV trong Công ty luôn được BDH quan tâm, lương của CBCNV Công ty được thực hiện đúng theo Quy chế của Công ty, góp phần đảm bảo ổn định



đời sống để gắn bó lâu dài với Công ty, duy trì đoàn kết nội bộ, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn Công ty, là tiền đề để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4.2.9 Đối với công tác xã hội

Các hoạt động xã hội, từ thiện luôn được Ban điều hành và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực trong năm 2020.

Năm vừa qua, BĐH đặc biệt chú trọng tới các phong trào quyên góp, ủng hộ đồng bào Miền Trung bị thiệt hại do lũ lụt gây ra; Ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do hạn, mặn và một số phong trào khác tại địa phương nơi Nhà máy đóng chân.

Tổng giá trị thực hiện công tác xã hội năm 2020 là 567.909.000 đồng.

Năm 2020 là năm có nhiều thách thức trong công tác SXKD, nhưng với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính để thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu ĐHĐCĐ, HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được.

HĐQT đánh giá cao các hoạt động của BĐH trong năm qua, nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, BĐH cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo gia tăng giá trị cho Công ty, lợi ích của các Cổ đông và Người lao động.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Năm 2021, được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, một số chính sách thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Ban Giám đốc trình Hội đồng Quản trị để thông qua trong kỳ Đại hội này như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	274,56	230,00
2	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	323.010,05	268.328,36
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	76.668,77	45.114,09
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	72.161,89	42.858,38
5	Cổ tức dự kiến	%	10%	10%

2. Phương án phân phối lợi nhuận 2020 như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Lợi nhuận chưa phân phối:	155.149.496.390
<i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước</i>	<i>82.987.601.531</i>
<i>Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020:</i>	<i>72.161.894.859</i>
2. Phân phối lợi nhuận năm 2020:	72.515.654.000
2.1. Trích lập các quỹ	12.496.712.000
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế năm 2020)</i>	<i>10.824.284.000</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2020)</i>	<i>1.082.428.000</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng Người quản lý</i>	<i>590.000.000</i>
2.2 Trả cổ tức	60.018.942.000
<i>Trả cổ tức bằng tiền 5%</i>	<i>30.009.471.000</i>
<i>Trả cổ tức bằng cổ phiếu 5%</i>	<i>30.009.471.000</i>
Lợi nhuận để lại sau khi phân phối:	82.633.842.390
Thay đổi vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu:	
Vốn điều lệ đầu kỳ	600.189.420.000
Vốn điều lệ sau khi chia cổ tức (dự kiến)	630.198.890.000

3. Công tác chỉ đạo

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

PHẦN III KẾT LUẬN

Năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng Cổ đông giao.

Đến nay, BDHC đã trở thành một trong những đơn vị mạnh tại địa phương. Không những thế, hình ảnh và thương hiệu của BDHC luôn gắn liền với sự vững vàng, tin cậy, chất lượng, uy tín, hoạt động hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững. Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực và trí tuệ của từng thành viên trong HĐQT, sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể Người lao động của Công ty.

HĐQT Công ty cũng luôn nhận được những ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông và sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như các đơn vị bạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt chặng đường vừa qua và mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Quý cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Thành Danh

Phụ lục các Nghị quyết, Quyết định HĐQT năm 2020

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày	Hình thức	Kết quả
01	01/QĐ-HĐQT - BDHC	Quyết định: về việc ban hành Quy chế về công tác cán bộ của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	02/01/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
02	02/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: phiên họp ngày 15/01/2020 về việc: - Thông qua báo cáo của Ban điều hành ước thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 - Thông qua Kế hoạch SXKD 2020 - Thông qua dự kiến thời gian ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào cuối tháng 4/2020	16/01/2020	Họp	Đã hoàn thành
03	03/NQ-HĐQT - BDHC	Nghị quyết: phiên họp ngày 15/01/2020 về việc: - Thông qua việc bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách công tác kinh doanh	16/01/2020	Họp	Đã hoàn thành
04	04/NQ-HĐQT - BDHC	Nghị quyết: phiên họp ngày 15/01/2020 về việc: - Thống nhất giao cho Ban điều hành làm việc với đơn vị Tư vấn xây dựng phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi.	16/01/2020	Họp	Đã hoàn thành
05	05/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty (Phan Quang Vũ)	26/02/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
06	03/QĐ-HĐQT - BDHC	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty (Phan Quang Vũ)	26/02/2020		Đã hoàn thành
07	06/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc gia hạn thời gian tổ chức họp HĐQT quý I và ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	07/4/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
08	07/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020	22/4/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
09	09/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: phiên họp ngày 16/5/2020 về việc: Thông qua dự thảo các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	16/5/2020	Họp	Đã hoàn thành

10	12/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành – Giai đoạn 2	18/5/2020	Họp	Đã hoàn thành
11	13/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc thành lập Ban tổ chức và các ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2020	18/5/2020		Đã hoàn thành
12	15/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC	Nghị quyết: ĐHĐCĐ thường niên 2020	28/5/2020	Họp	Đã hoàn thành
13	18/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức	29/5/2020	Họp	Đã hoàn thành
14	19/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc ban hành quy chế quản trị nội bộ	01/6/2020		Đã hoàn thành
15	19A/QĐ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: v/v phê duyệt hạng mục “Gia cố mái bê tông chống sạt trượt bờ kênh khu vực tràn suối Đăk Minh” “Thi công đường giao thông dọc bờ kênh khu vực tràn suối Đăk Minh” “Duy tu bảo trì đường VH khu vực cánh đồng Ama Phương”	10/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
16	20/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Đăk Lăk	15/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
17	21/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: v/v vay vốn tại Ngân hàng HD bank	15/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
18	22/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	15/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
19	23/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc miễn nhiệm chức vụ Thư ký HĐQT đối với Ông Phan Quang Vũ	15/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
20	24/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty	15/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
21	24A/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị đổ thải chồng lấn thuộc phạm vi công trình TĐ SP4A của Công ty 470	24/6/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
22	24B/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v Tư vấn lập quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật –	09/10/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đang tiếp tục thực hiện trong năm 2021

		CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ LÀM VIỆC BDHC			
23	26/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết: v/v chi trả cổ tức năm 2019 – Phân bằng tiền	02/11/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
24	28/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết: Phiên họp ngày 07/11/2020 về việc: - Thông qua báo cáo của Ban điều hành về ước thực hiện sản xuất kinh doanh đến tháng 9/2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh đến cuối năm 2020 – Thông qua - Thông qua nội dung tờ trình 181/TTr-BDHC-P2 ngày 06/141/2020 v/v phê duyệt mức trích khấu hao tài sản cố định.	07/11/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
25	29/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết: v/v không góp vốn và thôi cử người đại diện phần vốn góp vào Công ty CP Điện mặt trời Buôn Đôn	07/11/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
26	30/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết: v/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở Công ty	07/11/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đang tiếp tục thực hiện trong năm 2021
27	31/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt Quỹ tiền thưởng do Sản xuất vượt kế hoạch của BDHC năm 2020	31/12/2020	xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
BAN KIỂM SOÁT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, BKS xin báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2020 Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc năm 2020 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021 như sau:

Nhân sự Ban kiểm soát đương nhiệm năm 2020 gồm có các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa : Trưởng Ban
2. Ông Phạm Quốc Thái : Thành viên
3. Bà Võ Thị Bích Phượng : Thành viên

I. Hoạt động của Ban kiểm soát :

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2020.

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để triển khai hoạt động của BKS:

- Hợp tổng kết công tác kiểm soát năm 2019 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2020 vào ngày 10/01/2020.
- Tổ chức cuộc họp đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2019, thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 và các nội dung có liên quan để chuẩn bị báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, thời gian thực hiện từ ngày 27-28/4/2020.
- Hợp đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty 06 tháng đầu năm 2020 từ ngày 27-28/8/2020.
- Hợp đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty 09 tháng năm 2020 từ ngày 12-13/11/2020.

Đến hết ngày 19/4/2021, đã tổ chức 01 cuộc họp để tổng kết công tác kiểm soát năm 2020, triển khai kế hoạch kiểm soát năm 2021, đồng thời đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2020 và các nội dung

có liên quan để chuẩn bị cho báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào 02 ngày 05-06/03/2021

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện kế hoạch năm 2020, Ban kiểm soát tập trung thực hiện các nội dung chính, bao gồm:

- a) Trong năm 2020, BKS đã tổ chức 03 đợt kiểm soát tại Trụ sở Công ty, các cuộc họp, kiểm soát trực tiếp của Ban kiểm soát đều có sự tham gia của 3/3 thành viên. Kết thúc các cuộc họp, kiểm soát, Ban kiểm soát đều lập Biên bản để ghi nhận các kết quả làm việc cũng như ý kiến đề xuất, kiến nghị gửi HĐQT, Ban Giám đốc nhằm tăng cường công tác quản trị nội bộ của Công ty và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi thông tin qua e-mail, điện thoại làm việc các nội dung theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- b) Tham dự họp các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, các chiến lược và định hướng phát triển, thảo luận nội dung Nghị quyết của HĐQT.
- c) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD năm 2020 nhằm phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- d) Rà soát tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ.
- e) Giám sát, đánh giá công tác quản trị, điều hành đối với HĐQT và Ban GD. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro, thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp để hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- f) Kiểm soát các khoản chi phí trong SXKD bao gồm: Công tác lập kế hoạch và thực hiện, Công tác đấu thầu mua sắm, công tác sửa chữa, công tác hạch toán kế toán, quản lý và sử dụng vật tư, công tác đầu tư xây dựng ...;
- g) Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.
- h) Các công tác khác.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2020.

Năm 2020, thù lao của Ban kiểm soát Công ty được thực hiện đúng theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ –BDHC ngày 28/05/2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty, cụ thể:

Stt	Họ tên	Chức danh	Thù lao 2020 (đồng/năm)
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	84.000.000
2	Phạm Quốc Thái	Thành viên	72.000.000
3	Võ Thị Bích Phượng	Thành viên	72.000.000
Tổng cộng			228.000.000

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**4.1. Kết quả sản xuất kinh doanh 2020.**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Thực hiện 2019	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2020	So với thực hiện 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	284.682,37	323.010,05	319.703,55	113,46%	101,03%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	243.224,56	246.341,28	195.796,46	101,28%	125,81%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	41.457,81	76.668,77	123.907,09	184,93%	61,88%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	39.384,92	72.161,89	117.597,58	183,22%	61,36%
5	Cổ tức		Dự kiến: 6 %		18,4%		

- Doanh thu năm 2020, thực hiện được 323.010,05 triệu đồng, vượt 13,46 % so với kế hoạch và tăng 1,03 % so với năm 2019. Lý do doanh thu tăng: Sản lượng điện năm 2020 thực hiện được cao hơn năm 2019.
- Lợi nhuận năm sau thuế 2020, thực hiện được 72.161,89 triệu đồng, vượt 83,22% và giảm 38,6% so với năm 2019. Lý do, lợi nhuận thay đổi: Căn cứ số liệu quyết toán vốn đầu tư xây dựng thủy điện Srêpôk 4A hoàn thành và phù hợp với các quy định về chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định hiện hành, Công ty đã thực hiện thay đổi và trích khấu hao để phản ánh đúng tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

4.2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ –BDHC ngày 28/05/2020, tình hình thực hiện như sau:

STT	Nội dung	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện 2020	Đánh giá thực hiện
1	Tình hình SXKD 2020			
	- Điện năng thương mại	230,00 triệu kwh	274,56 triệu kwh	119%
	- Tổng doanh thu	284.682.365.000	323.010.045.581	113%
	- Lợi nhuận trước thuế	41.457.807.653	76.668.766.990	185%
	- Lợi nhuận sau thuế	39.384.917.271	72.161.894.859	183%
	- Cổ tức (dự kiến)	6%	Đang trình ĐHĐCĐ năm 2021	
2	Phương án phân phối lợi nhuận 2019			
2.1	Lợi nhuận chưa phân phối	182.725.986.687	182.725.986.687	
	Lợi nhuận còn lại của các năm trước	65.128.407.740	65.128.407.740	
	Lợi nhuận 2019	117.597.578.947	117.597.578.947	
2.2	Phân phối lợi nhuận:	99.739.492.804	99.738.385.156	100%
a	Trích lập các quỹ	2.353.963.684	2.353.963.684	100%
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	1.763.963.684	1.763.963.684	100%
-	Trích quỹ khen thưởng Người quản lý	590.000.000	590.000.000	100%
b	Trả cổ tức	97.385.529.120	97.384.421.472	100%
-	Trả cổ tức bằng tiền 5%	26.463.459.000	26.462.351.352	100%
-	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 13,4%	70.922.070.120	70.920.240.000	100%
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Phần chênh lệch chi trả cổ tức so với chốt quyền- cổ phiếu lẻ)		1.830.120	
c	Lợi nhuận để lại	82.986.493.883	82.987.601.531	100%
3	Thù lao HĐQT, BKS năm 2020	738.000.000	738.000.000	100%
4	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC	Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán	Đã chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam là đơn vị kiểm toán BCTC bán niên và năm 2020	
5	Phương án phát hành trái phiếu không chuyên đổi, không tài sản đảm bảo	200 tỷ đồng	BĐH trình HĐQT tạm thời chưa thực hiện phát hành trái phiếu	

STT	Nội dung	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện 2020	Đánh giá thực hiện
			trong năm 2020 vì chưa tái cấu trúc vốn vay được Chính phủ bảo lãnh	
6	Sửa đổi chức danh người đại diện pháp luật	Tổng Giám đốc sang Giám đốc	Giám đốc	Hoàn thành
7	Sửa đổi Điều lệ	Sau khi tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu và sửa đổi chức danh người đại diện pháp luật	Đã thực hiện hoàn thành. Vốn điều lệ mới: 600.189.420.000 đồng	Hoàn thành
8	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty		Đã ban hành vào ngày 01/06/2020	Hoàn thành

4.3. Tình hình tài chính:

a. Thẩm định báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán:

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Theo ý kiến của Công ty kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công tác kế toán của Công ty đã thực hiện theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định liên quan.

a.1. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2020: **600.189.420.000** đồng, do các cổ đông góp vốn sau:

STT	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	186.060.690.000	31%
2	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	150.048.950.000	25%
3	Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	90.029.370.000	15%
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	30.009.790.000	5%
5	Các cổ đông khác	144.040.620.000	24%
	Tổng cộng	600.189.420.000	100%



a.2. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán (Các chỉ tiêu có số liệu)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu tài sản	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Thay đổi	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(4)/(2)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	295.079.001.217	285.533.889.535	(9.545.111.682)	-3,23%
1	Tiền và tương đương tiền	59.166.017.289	70.404.716.146	11.238.698.857	19,00%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	221.308.394.577	207.137.735.584	(14.170.658.993)	-6,40%
3	Hàng tồn kho	14.209.911.952	7.602.725.105	(6.607.186.847)	46,50%
4	Tài sản ngắn hạn khác	394.677.399	388.712.700	(5.964.699)	-1,51%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.513.380.876.516	1.389.356.805.342	(124.024.071.174)	-8,20%
1	Các khoản phải thu dài hạn	53.500.000	53.500.000	-	0,00%
2	Tài sản cố định	1.425.816.193.298	1.303.288.094.126	(122.528.099.172)	-8,59%
3	Tài sản dở dang dài hạn	2.311.469.508	2.317.669.508	6.200.000	0,27%
4	Tài sản dài hạn khác	85.199.713.710	83.697.541.708	(1.502.172.002)	-1,76%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.808.459.877.733	1.674.890.694.877	(133.569.182.856)	-7,39%

TT	Chỉ tiêu nguồn vốn	Tại ngày 1/1/2020	Tại ngày 31/12/2020	Thay đổi	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(4)/(2)
A	NỢ PHẢI TRẢ	1.096.461.287.046	919.546.524.367	(176.914.762.679)	-16,14%
1	Nợ ngắn hạn	242.987.955.782	205.604.203.103	(37.383.752.679)	-15,39%
2	Nợ dài hạn	853.473.331.264	713.942.321.264	(139.531.010.000)	-16,35%
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	711.998.590.687	755.344.170.510	43.345.579.823	6,09%
1	Vốn chủ sở hữu	711.998.590.687	755.344.170.510	43.345.579.823	6,09%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.808.459.877.733	1.674.890.694.877	(133.569.182.856)	-7,39%

✓ Tổng tài sản của Công ty năm 2020 giảm so với 2019 là 133,56 tỷ đồng, chủ yếu là tài sản dài hạn giảm (124 tỷ đồng), do tăng mức trích lập khấu hao phù hợp với số liệu quyết toán xây dựng dự án.

✓ Tổng nguồn vốn của Công ty năm 2020 giảm so với năm 2019 là 133,56 tỷ đồng, trong đó là nợ phải trả giảm 176 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu tăng 43,3 tỷ đồng. Lý do tăng giảm chỉ tiêu trên là: Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản nợ và tăng vốn góp của chủ sở hữu.

a.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	17,05	16,32
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	82,95	83,68
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nguồn vốn ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	%	12,28	13,44
	Nguồn vốn dài hạn/Tổng nguồn vốn	%	87,72	86,56
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	54,90	60,63
	Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	%	45,10	39,37
	Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	Lần	1,22	1,54
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,82	1,65
-	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,39	1,21
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,35	1,16
4	Hiệu quả sử dụng vốn			
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	72,16	117,60
-	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	4,31	6,5
-	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	9,55	16,52
5	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,06	1,11

- **Cơ cấu tài sản:**

Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản đây là đặc thù của đơn vị phát điện có giá trị TSCĐ lớn là nhà máy phát điện.

- **Cơ cấu nguồn vốn:**

Nguồn vốn dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn do đầu tư xây dựng nhà máy điện có giá trị lớn nên phải thu xếp nguồn vốn dài hạn để đầu tư.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: 1,22 lần. Chỉ tiêu hệ số nợ của Công ty giảm dần qua các năm, điều này cho thấy mức độ tự chủ tài chính Công ty ngày càng được cải thiện.

- **Khả năng thanh toán**

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát và hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1, Hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng đạt 1,35 lần.

Các chỉ số khả năng thanh toán năm 2020 tốt hơn năm 2019, cho thấy Công ty có khả năng cao trong việc sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- **Hiệu quả sử dụng vốn:**

Năm 2020, Công ty lãi sau thuế 72,16 tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lời của tổng tài sản ROA là 4,31%.

Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE 9,55%.

• **Hệ số bảo toàn vốn:**

Năm 2020, Công ty có kết quả hoạt động SXKD lãi, có hệ số bảo toàn vốn > 1, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

II. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

Năm 2020, không có phát sinh giao dịch này.

III. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty.

1. Hoạt động quản trị Công ty của HĐQT:

- a. HĐQT được ĐHĐCĐ bầu, hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Công ty, quản trị Công ty thông qua các nghị quyết, quyết định, chỉ thị và chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện. HĐQT làm việc theo quy chế làm việc của HĐQT và theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo & cá nhân phụ trách, trong đó Chủ tịch HĐQT thực hiện việc phân công cho từng thành viên HĐQT phụ trách và chỉ đạo trực tiếp các nội dung được phân công.
- b. HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và có đủ thời gian thảo luận để quyết định.
- c. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, trừ trường hợp bận đi công tác đột xuất (khi không thể tham dự được thì ủy quyền cho người khác tham dự để nắm tình hình cho ý kiến, biểu quyết); nội dung các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được các thành viên HĐQT nghiên cứu sâu về vấn đề được phân công, thảo luận cụ thể để thống nhất trước khi biểu quyết. Các nghị quyết, quyết định có sự đồng thuận cao và được Công ty nghiêm túc thực hiện.
- d. HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy chế. Chỉ đạo xây dựng, ban hành Chương trình làm việc của HĐQT năm 2020 và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm của Công ty cổ phần. Trong năm 2020 đã sửa đổi, cập nhật, bổ sung và ban hành các QCQLNB của Công ty.
- e. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 03 phiên họp và tổ chức nhiều đợt lấy ý kiến bằng văn bản đã ban hành 22 nghị quyết và 05 quyết định trên cơ sở tập trung dân chủ để thảo luận, thống nhất các nội dung có liên quan đến hoạt động của Công ty về các lĩnh vực:
 - Về kế hoạch sản xuất: Với mục tiêu đảm bảo công tác sản xuất điện an toàn, liên tục, hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững, trong năm 2020 HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao

hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

- Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự: Để đáp ứng công tác quản lý, trong năm 2020, HĐQT đã bổ nhiệm 01 cán bộ giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty, 01 cán bộ giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty theo đúng quy trình bổ nhiệm của Công ty.
 - Các nội dung khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng trụ sở của Công ty.
- f. Xây dựng định hướng quản trị Công ty của HĐQT trong năm 2021 và dài hạn.

2. Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

- a. Trong năm 2020, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD đảm bảo các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.
- b. Thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, có 01 nghị quyết phải chuyển sang năm 2021 thực hiện đó là về đầu tư trụ sở công ty.
- c. Thanh toán nợ vay đầy đủ và đúng hạn theo cam kết.
- d. Công bố thông tin đầy đủ và đúng thời gian theo quy định của thông tư 155/2015-TT-BTC ngày 06/10/2015 “ Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

IV. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ trong BKS, Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không làm việc tại Phòng Tài chính – Kế toán Công ty. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ, Ban kiểm soát tự đánh giá hoạt động của BKS như sau:

- a. BKS đã phân công nhiệm vụ đối với các kiểm soát viên, thực hiện kiểm tra và tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định.
- b. Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- c. Tham gia ý kiến trong việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan.
- d. Đã hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC hàng năm.
- e. Các thành viên trong Ban kiểm soát đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao và luôn hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- f. Không vi phạm nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát. Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, HĐQT luôn mời BKS tham dự các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp quan trọng để Ban KS nắm bắt thông tin kịp thời để hoàn thành tốt nhiệm vụ.
2. Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhận xét chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội cổ đông giao. Trong năm BKS không có nhận khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty và công tác điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

VI. Kiến nghị:**1. Về công tác sản xuất:**

Công ty chỉ đạo các đơn vị tập trung theo dõi quản lý, vận hành ổn định, theo kế hoạch huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia để đảm bảo kế hoạch sản lượng, doanh thu đề ra.

3. Về công tác đầu tư xây dựng:

Công ty tăng cường công tác quản lý, đôn đốc các bộ phận nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện nghị quyết của HĐQT về xây dựng trụ sở Công ty.

4. Công tác đấu thầu, mua sắm:

Công ty nghiên cứu giải pháp nhằm tăng tính cạnh tranh khi thực hiện đấu thầu

5. Về công tác sửa chữa:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác sửa chữa lớn nhằm nâng cao hệ số khả dụng của các tổ máy và đẩy nhanh công tác quyết toán sửa chữa lớn theo quy định.
- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi tình trạng vận hành các tổ máy để sớm phát hiện những bất thường, kịp thời khắc phục đảm bảo hiệu quả, an toàn trong sản xuất, vận hành.

6. Về công tác tài chính kế toán:

Tiếp tục tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối kế hoạch dòng tiền, nhằm tối đa lãi tiền gửi có kỳ hạn.

VII. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2021 bao gồm các nội dung sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 của Công ty.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2021 của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định.
6. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trên đây là báo cáo giám sát về kết quả kinh doanh 2020 của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2020

I. Bảng cân đối kế toán

TT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Tăng/giảm so với 2019	
				Số tiền	Tỷ lệ %
	TÀI SẢN NGẮN				
I	HẠN	<u>285.533.889.535</u>	<u>295.079.001.217</u>	<u>(9.545.111.682)</u>	<u>(3,23)</u>
	Tiền và các khoản tương đương tiền	70.404.716.146	59.166.017.289	11.238.698.857	19,00
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	207.137.735.584	221.308.394.577	(14.170.658.993)	(6,40)
2	Hàng tồn kho	7.602.725.105	14.209.911.952	(6.607.186.847)	(46,50)
3	Tài sản ngắn hạn khác	388.712.700	394.677.399	(5.964.699)	(1,51)
4					
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	<u>1.389.356.805.342</u>	<u>1.513.380.876.516</u>	<u>(124.024.071.174)</u>	<u>(8,20)</u>
	Các khoản phải thu dài hạn	53.500.000	53.500.000	-	
1	Tài sản cố định	1.303.288.094.126	1.425.816.193.298	(122.528.099.172)	(8,59)
2	- Tài sản cố định hữu hình	1.299.700.152.153	1.422.213.175.893	(122.513.023.740)	(8,61)
	- Tài sản cố định vô hình	3.587.941.973	3.603.017.405	(15.075.432)	(0,42)
	Tài sản dở dang dài hạn	2.317.669.508	2.311.469.508	6.200.000	0,27
3	Tài sản dài hạn khác	83.697.541.708	85.199.713.710	(1.502.172.002)	(1,76)
4					
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	<u>1.674.890.694.877</u>	<u>1.808.459.877.733</u>	<u>(133.569.182.856)</u>	<u>(7,39)</u>
III	NỢ PHẢI TRẢ	<u>919.546.524.367</u>	<u>1.096.461.287.046</u>	<u>(176.914.762.679)</u>	<u>(16,14)</u>
	Nợ ngắn hạn	205.604.203.103	242.987.955.782	(37.383.752.679)	(15,39)
1	Nợ dài hạn	713.942.321.264	853.473.331.264	(139.531.010.000)	(16,35)
2					
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	<u>755.344.170.510</u>	<u>711.998.590.687</u>	<u>43.345.579.823</u>	<u>6,09</u>
	Vốn chủ sở hữu	755.344.170.510	711.998.590.687	43.345.579.823	6,09
1	- Vốn góp của chủ sở hữu	600.189.420.000	529.269.180.000	70.920.240.000	13,40
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.254.120	3.424.000	1.830.120	53,45
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	155.149.496.390	182.725.986.687	(27.576.490.297)	(15,09)
	Nguồn kinh phí và quỹ khác		-		
2					
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>1.674.890.694.877</u>	<u>1.808.459.877.733</u>	<u>(133.569.182.856)</u>	<u>(7,39)</u>



II. Kết quả hoạt động SXKD

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng giảm so với 2019	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.358.790.493	318.712.323.651	(353.533.158)	(0,11)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.358.790.493	318.712.323.651	(353.533.158)	(0,11)
4. Giá vốn hàng bán	186.650.371.703	120.767.362.990	65.883.008.713	54,55
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.708.418.790	197.944.960.661	(66.236.541.871)	(33,46)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.304.066.092	780.317.326	523.748.766	67,12
7. Chi phí tài chính	42.936.368.586	59.729.257.373	(16.792.888.787)	(28,12)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	42.915.955.921	59.729.257.373	(16.813.301.452)	(28,15)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.677.232.829	15.125.065.713	(447.832.884)	(2,96)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.398.883.467	123.870.954.901	(48.472.071.434)	(39,13)
9. Thu nhập khác	3.347.188.996	210.909.091	3.136.279.905	1.487,03
10. Chi phí khác	2.077.305.473	174.774.194	1.902.531.279	1.088,57
11. Lợi nhuận khác	1.269.883.523	36.134.897	1.233.748.626	3.414,29
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.668.766.990	123.907.089.798	(47.238.322.808)	(38,12)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.161.894.859	117.597.578.947	(45.435.684.088)	(38,64)
14. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	1.275	2.510	(1.235)	(49,20)

III. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	16,32	17,05
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	83,68	82,95
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	60,63	54,90
-	Nguồn vốn CSH /Tổng nguồn vốn	%	39,37	45,10
-	Nợ phải trả /Vốn CSH	Lần	1,54	1,22
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	1,35
-	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,21	1,39
4	Hiệu quả			
-	Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	36,9	22,67
-	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	6,5	4,31
-	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	16,52	9,55
-	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	38,87	23,68

Số liệu báo cáo tài chính trên đây đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam kiểm toán và chấp nhận toàn phần với nội dung sau:



Số: 70 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Buồn Đồn, được lập ngày 18/01/2021, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 03 tháng 03 năm 2021
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc



Đương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đương Nguyên Thúy Mai

Đương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0848-2018-142-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: 17/TTr- HĐQT-BDHC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH CÁC VẤN ĐỀ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/ ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 v/v hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHCĐ) thường niên 2021 biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. **Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021;**
2. **Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;**
3. **Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.674.890.694.877
2	Tổng nguồn vốn	1.674.890.694.877
3	Doanh thu và thu nhập khác	323.010.045.581
4	Lợi nhuận trước thuế	76.668.766.990
5	Lợi nhuận sau thuế	72.161.894.859

4. **Thông qua kết quả chi trả cổ tức bằng tiền năm 2019:**

- Phương án chi trả cổ tức được ĐHCĐ thông qua: 26.463.459.000 đồng
- Đã chi trả đợt 1: 26.462.351.352 đồng
- Số tiền còn lại kiến nghị ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối: 1.107.648 đồng

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
Lợi nhuận chưa phân phối:	155.149.496.390
<i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước</i>	82.987.601.531
<i>Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020:</i>	72.161.894.859
Phân phối lợi nhuận năm 2020:	72.515.654.000
2.1 Trích lập các quỹ	12.496.712.000
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế năm 2020)</i>	10.824.284.000
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2020)</i>	1.082.428.000
<i>Trích quỹ khen thưởng Người quản lý</i>	590.000.000
2.2 Trả cổ tức	60.018.942.000
<i>Trả cổ tức bằng tiền 5%</i>	30.009.471.000
<i>Trả cổ tức bằng cổ phiếu 5%</i>	30.009.471.000
Lợi nhuận để lại sau khi phân phối:	82.633.842.390
Thay đổi vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu:	
Vốn điều lệ đầu kỳ	600.189.420.000
Vốn điều lệ sau khi chia cổ tức (dự kiến)	630.198.890.000

6. Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021.
6.1 Kế hoạch SXKD năm 2021

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	230,00
2	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	268.328,36
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	45.114,09
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	42.858,38
5	Cổ tức dự kiến	%	10

6.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2021: 42.858,38 triệu đồng.
- Cổ tức dự kiến: 10%
- Quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa không quá 1,5% lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: tối đa 15% lợi nhuận sau thuế.

- Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty: 590 triệu đồng.
- 7. Thông qua báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người quản trị Công ty năm 2020; kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người quản trị Công ty năm 2021.

7.1 Năm 2020

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Người quản trị Công ty năm 2020: 738.000.000 đồng.

7.2 Kế hoạch năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số người dự kiến	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	7.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	6.000.000
5	Người quản trị Công ty	1	3.000.000

8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Hội đồng Quản trị Công ty kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020.

ĐHĐCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%. Cụ thể như sau:

- **Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2020** : 600.189.420.000 đồng.
- **Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020:**
 - Tên cổ phiếu : Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
 - Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
 - Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Nguồn vốn phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế của Công ty
 - Mục đích phát hành : Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu.
 - Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 5%

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.
- Mục đích sử dụng vốn của đợt : Bổ sung vốn lưu động phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- **Phương thức phát hành:**
 - Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu mới).
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 60.018.942 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức : 3.000.947 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu : 630.198.890.000 đồng
 - Thời gian dự kiến phát hành : Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức. (Dự kiến phát hành trong năm 2021).

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số nội dung như sau:

- Thực hiện tất cả các thủ tục để triển khai phương án phát hành đã được phê duyệt, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh phương án phù hợp theo quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;
- Xác định ngày chốt danh sách cổ đông Công ty được hưởng quyền theo đúng quy định;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc tăng Vốn Điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty về Vốn điều lệ theo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

10. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn cho

phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

11. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế về quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn cho phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

12. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn cho phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

13. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn cho phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và biểu quyết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Vũ Thành Danh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**
Số: .../QĐ-HĐQT-BDHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày ... tháng ... năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

Điều 2. Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19/4/2021 và thay thế Quyết định số 19/QĐ-HĐQT-BDHC ngày 01/6/2020.

Điều 4. Các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thành Danh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 19 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	7
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 3. Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	15
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	16
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	16
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	17
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	17
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	18
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	20
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	20
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng	

văn bản 20

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN-----22

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----22

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----22

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----22

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----23

Điều 28. Điều kiện tiến hành-----23

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến-----23

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----24

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----24

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----25

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----25

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----25

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN-----25

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 39. Điều kiện tiến hành-----25

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu-----25

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu-----25

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----25

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----25

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----26

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----27

Mục 1. Quy định chung-----27

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT-----27

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT-----27

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT-----28

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT-----28

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	29
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT	30
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	33
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	33
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	34
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	34
Điều 61. Cách thức biểu quyết	34
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	36
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	36
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	37
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	37
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	38
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	38
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	40
Mục 1. Quy định chung	40
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	40
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	40



Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	40
Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát-----	41
Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát-----	41
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát-----	41
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	42
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát-----	42
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát-----	42
CHƯƠNG 5 - GIÁM ĐỐC -----	43
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc -----	43
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc -----	43
Điều 83. Ứng cử, đề cử Giám đốc -----	44
Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc -----	44
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc -----	44
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----	45
Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc –	45
Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc -----	45
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	45
Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Giám đốc -----	45
Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	45
Điều 91. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao-----	46
Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc 46	
Điều 93. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS 47	
Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	47
Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác 51	
Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác 51	
Điều 96. Khen thưởng-----	51

Điều 97. Ký luật	52
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	53
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 99. Ngày hiệu lực	53
PHỤ LỤC I	54
TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT	54
Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban	54
Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ	56
Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ	56

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị
5. Ứng cử: là tự đề cử
6. BKS: là Ban kiểm soát
7. VSD: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
9. Người phụ trách quản trị Công ty : là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa:

8844
G T
Y Đ
Đ
T-T

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Nhiệm vụ của Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Chủ tọa: Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty ;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên trong trường hợp có nhiều người.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông/đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu

không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty ;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty .
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty .
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty .

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty ;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;



15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
 - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
 - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Đại biểu có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên.
 - + Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.
 - Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với trường hợp bỏ Phiếu kín: Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu trên phần mềm kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải đảm bảo được kiểm tra chéo ít nhất 02 lần đối với mỗi vấn đề. Toàn bộ Phiếu biểu quyết sau khi kiểm phiếu phải được lưu giữ tập trung tại Công ty trong mười (10) năm.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Gia hạn hoạt động Công ty;
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty .

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu và tỷ lệ tán thành đối với từng vấn đề được đệ trình tại Đại hội.

- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết.
- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức bầu dồn phiếu.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Người quản trị công ty chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp ĐHCĐ.



II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- m) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- n) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- o) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- p) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Người quản trị công ty chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp ĐHĐCĐ.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty .

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty .
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh

khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu bầu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

- a. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
- b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.



Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 24 Quy chế này.

Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 38. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 29 Quy chế này.

Điều 40. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.



CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 “Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng Khoán”
10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty, phân cấp và ủy quyền của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm, quyền hạn giải quyết công việc của Thành viên HĐQT Công ty

1. Tham gia giải quyết các công việc chung của HĐQT, cùng với tập thể HĐQT thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT quy định trong Điều lệ Công ty và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT phân công; chủ động làm việc với Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT khác về các công việc của HĐQT và các công việc có liên quan.
2. Thành viên HĐQT chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có phát sinh những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT.
3. Hàng quý, các Thành viên HĐQT có báo cáo gửi HĐQT về tình hình và kết quả thực hiện các công việc được phân công.
4. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT; nghiên cứu, cho ý kiến góp ý, biểu quyết kịp thời, đầy đủ trong Phiếu lấy ý kiến về các nội dung trình HĐQT.
5. Mỗi Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm nghiên cứu hoặc chỉ đạo tổ chức nghiên cứu và đề xuất các mục tiêu chiến lược, các chủ trương, cơ chế cần thiết thuộc thẩm quyền của HĐQT, theo dõi và có các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
6. Chủ trì các phiên họp của HĐQT khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
7. Triệu tập các cuộc họp chuyên đề, hội thảo đối với những nội dung công việc được phân công.
8. Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng của Công ty và kiến nghị HĐQT xem xét kỷ luật, thay thế người đứng đầu nếu thấy vi phạm quy định hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao.
9. Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lĩnh vực cụ thể, khi kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tại Công ty có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT và thông báo cho Giám đốc được biết để kịp thời chỉ đạo, điều hành.
10. Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc điều hành thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
11. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức Đảng, Công đoàn trong công ty thực hiện các quy chế và quy định liên quan.
12. Các Thành viên HĐQT được trang bị các phương tiện, các trang thiết bị làm việc theo quy định để phục vụ cho công việc.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

1. Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
2. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
3. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
4. Có kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh điện năng, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm, và đối thủ cạnh tranh;
5. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
6. Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
7. Phán quyết chuẩn xác;
8. Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
9. Kỹ năng giao tiếp tốt

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông

nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; trên 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Các tiêu chuẩn, điều kiện của các ứng viên này đảm bảo không thấp hơn so với các tiêu chuẩn / điều kiện chung đã công bố trước đó.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - c. Thành viên đó cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- h. Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT Công ty là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao; quản lý Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của HĐQT Công ty
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT
 - e. Chịu trách nhiệm tổ chức phân giao cho các Thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi một số lĩnh vực công việc cụ thể để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT
 - f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT
 - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trong trường hợp xét thấy cần thiết do tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ do HĐQT bổ nhiệm, chỉ định người tạm thời thay thế để điều hành công việc và báo cáo HĐQT xem xét, quyết định.
 - i. Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định hoặc xây dựng của HĐQT; chỉ đạo phương án đổi mới tổ chức, tái cơ cấu để trình HĐQT.
 - j. Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các Thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT, trừ nội dung liên quan đến tổ chức và cán bộ.
 - k. Chủ trì và kết luận các cuộc họp quan trọng, hội nghị chuyên đề liên quan đến mục tiêu, chiến lược, chủ trương chung của Công ty.
 - l. Tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp chuẩn bị các đề án, kế hoạch trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
 - m. Định kỳ bố trí làm việc với bộ máy quản lý công ty để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách của nhà nước, quy chế, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
 - n. Định kỳ hàng năm chủ trì họp đánh giá cán bộ do HĐQT bổ nhiệm.
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người

trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 56. Quy định về ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Công ty

1. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT, trừ công tác tổ chức và cán bộ.
2. Nội dung văn bản ủy quyền phải ghi rõ: họ và tên, chức vụ của người ủy quyền, người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền.
3. Văn bản ủy quyền phải được gửi tới các Thành viên HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty, Bộ máy quản lý và các đơn vị có liên quan.
4. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện ủy quyền và người được ủy quyền cũng phải liên đới chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 57. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 58. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn

một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 59. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 60. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 61. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 62. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều 30 điều lệ Công ty;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;



- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện

6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.
7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 63. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 64. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 65. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 68 Quy chế này.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến lại nội dung biên bản họp cho các thành viên ngay tại cuộc họp và trước khi các thành viên ký biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 66. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 65 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 68. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 69. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT

Điều 70. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 71. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 73. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

14
TY
DIỆ
ÔN
T.P

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty ;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty ;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 74. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để Công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 75. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 76. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty ; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 77. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng

số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 79. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 80. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 81. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5 – BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 82. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Phó Giám đốc

1. Việc tổ chức bộ máy quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản đốc phân xưởng, trưởng các phòng ban Công ty do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Ban Giám đốc phải có trách nhiệm mẫn cán; luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu để tổ chức sản xuất đạt được các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
4. Phó Giám đốc là người giúp việc của Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.
5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế làm việc của Ban Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 83. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 04 năm đối với chức danh Giám đốc Công ty không giữ chức vụ quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp khác phải được 100% thành viên HĐQT Công ty đồng thuận thông qua. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

187
TY
DIỆN
ÔN
-T.Đ.

Ngoài những quy định theo Luật và Điều lệ, Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (ưu tiên các cá nhân sở hữu nhiều cổ phần của Công ty);
- b. Có trình độ đại học trở lên;
- c. Trung cấp lý luận chính trị;
- d. Để tránh xung đột lợi ích, Giám đốc không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào khác.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.

Các trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc:

- a. Miễn nhiệm:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - Hết hợp đồng lao động;
 - Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
- b. Bãi nhiệm:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Điều 87. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

- Luôn trung thành và vì lợi ích chung của Công ty.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và của Công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 88. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 90. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 91. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

- a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
- d. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 92. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 93. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 84 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.

Điều 94. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

- a. Các nội dung theo Điều 92 quy chế này;
- b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
- c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

- a. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
- b. Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 95. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy [07] ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- b. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- c. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 103 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.
- f. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- g. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- h. Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ Công ty.
- i. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.
- j. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, phân xưởng liên quan tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).
- k. Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.
- l. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc có sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý cần kịp



thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

- m. Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.
- n. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.
- o. Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc được tích hợp thành một mục trong chương trình họp của HĐQT.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 96. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc và người quản lý trong Công ty có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
 - Tự nhận xét đánh giá;
 - Đánh giá hoạt động định kỳ 6 tháng;
 - Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác.
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT và Ban Giám đốc
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 97. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định của pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống lãng phí.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 98. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc, và người quản lý khác trong Công ty phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Công ty.

Điều 99. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 98 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 100. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật hoặc hình thức kỷ luật của công ty (nếu có)
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm
3. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định khác có liên quan của Công ty, thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.
4. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 101. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 102. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 102 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thành Danh

PHỤ LỤC I

TIÊU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiêu ban

1. Vai trò của tiêu ban kiểm toán nội bộ:

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty .
- Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà Công ty đạt được.

2. Trách nhiệm của tiêu ban kiểm toán nội bộ:

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của Công ty .
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc Công ty .
- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

3. Thẩm quyền của tiêu ban kiểm toán nội bộ

- Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách đối với Công ty dự toán; dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với địa phương, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty .
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty .
- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các Công ty , bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/Công ty được kiểm toán.
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.

- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty .
4. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ
- a. Trách nhiệm:
- Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
 - Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
 - Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
 - Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
 - Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
 - Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
 - Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.
- b. Quyền hạn:
- Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
 - Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
 - Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
 - Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.
5. Trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách kiểm toán nội bộ
- e. Trách nhiệm:
- Quản lý và điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
 - Đảm bảo nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
 - Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;
 - Báo cáo các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;
 - Có ý kiến khi có đề nghị tham vấn của người phụ trách kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
 - Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện;
 - Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
 - Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.
- f. Quyền hạn:
- Đề xuất với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
 - Được đề nghị trưng tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
 - Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
 - Thực hiện các quyền hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 23 Nghị định này;

- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ

1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ cũng chính là nhiệm kỳ thành viên HĐQT của chính thành viên đó. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm 02 thành viên, được thành lập bởi Hội đồng quản trị.
 - b. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
 - Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
 - Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Công ty đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
 - Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty ; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
 - Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
 - Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
 - c. Cơ cấu thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo như sau :
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm việc phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của Công ty .
 - Trường hợp cần thiết, Công ty có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ hoặc thành lập tổ giúp việc.
2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này và trình lên HĐQT xem xét khi HĐQT có nhu cầu tìm kiếm ứng viên. HĐQT sẽ tiến hành biểu quyết bầu TV ban Kiểm toán Nội Bộ theo trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT của quy chế này.

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ khi không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này.

Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ được thực hiện theo Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: ... /QĐ-HĐQT-BDHC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Nghị quyết số ... /NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-BDHC ngày 23/01/2010.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thành Danh

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... /NQ-HĐQT-BDHC ngày 19 tháng 4 năm 2021;



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	17
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	18
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	20
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 23. Hiệu lực thi hành	21

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4.4.8
TY
ĐIỆ
ÔN
T-1.Đ

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.
- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;



- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
- 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; trên 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên

này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty ;
 - f. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - h. Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

44
T
ĐH
Ô
T-T.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;



r) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản

trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

108
N
H
H

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến lại nội dung biên bản họp cho các thành viên ngay tại cuộc họp và trước khi các thành viên ký biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
4. Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHCĐ Công ty.
5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.
6. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).
7. Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.
8. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHCĐ cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc có sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

9. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc. Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc được tích hợp thành một mục trong chương trình họp của HĐQT.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. HĐQT đảm bảo Ban kiểm soát được thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định, và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

18
Y
I
N
Đ

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: ... /QĐ-HĐQT-BDHC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm Soát
Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Nghị quyết số ... /NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/QĐ-HĐQT-BDHC ngày 10/05/2010.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thành Danh



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... /NQ-DHĐCĐ-BDHC ngày 19 tháng 4 năm 2021;

MỤC LỤC

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ	4
CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	4
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	5
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	8
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	10
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	13
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	13
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	14
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	14
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	14
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	16
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	17

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Thành viên Ban kiểm soát**” là Kiểm soát viên.
2. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
3. “**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
4. “**Quy chế**” có nghĩa là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
5. “**BDHC**” có nghĩa là tên viết tắt của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
6. “**Đại hội đồng cổ đông**” hoặc “**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
7. “**Ban kiểm soát**” hoặc “**BKS**” có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
8. “**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;



- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

- a) Điều phối công việc chung của Ban kiểm soát.
- b) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ chung của Ban kiểm soát.
- d) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- đ) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát.
- e) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
- g) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến Báo cáo của Ban kiểm soát.
- h) Đề nghị Hội đồng Quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- i) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- k) Điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

l) Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng Cổ đông.

m) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.



11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Ban kiểm soát có thể tiến hành các cuộc họp bất thường, nếu thấy cần thiết. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau hai (02) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên phải tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy chế này làm Trưởng Ban kiểm soát.
4. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Trường hợp khẩn cấp khi xét thấy cần thiết, thông báo mời họp có thể gửi trước một (01) ngày đến các Kiểm soát viên.
5. Biểu quyết:
 - a) Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại Điều này) thực hiện biểu quyết.
 - b) Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
 - c) Việc lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
6. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết quy định tại Khoản 5 Điều này. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Điều hành hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
3. Ban kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Điều hành triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;
4. Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;
5. Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ;
6. Các báo cáo Giám đốc gửi tới Hội đồng Quản trị phải đồng thời gửi cho Ban kiểm soát;
7. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng Quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này;
8. Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh, Đơn vị thành viên.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký và đóng dấu)



TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ (2019 – 2024)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/ ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của bà Võ Thị Bích Phượng.
- Căn cứ Văn bản số 259/ NĐBR-HCLĐ ngày 24/3/2021 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa v/v thay đổi nhân sự tham gia ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024 đối với Bà Võ Thị Bích Phượng.

Ban Kiểm Soát đương nhiệm gồm các thành viên sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa | Trưởng Ban |
| 2. Ông Phạm Quốc Thái | Thành viên |
| 3. Bà Võ Thị Bích Phượng | Thành viên |

Trên cơ sở Đơn từ nhiệm chức danh thành viên BKS của bà Võ Thị Bích Phượng, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát các năm còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 đối với Bà Võ Thị Bích Phượng – Thành viên BKS.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Thành Danh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 26 tháng 3 năm 2021

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
- Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Tôi tên là Võ Thị Bích Phượng, sinh ngày 25/10/1970

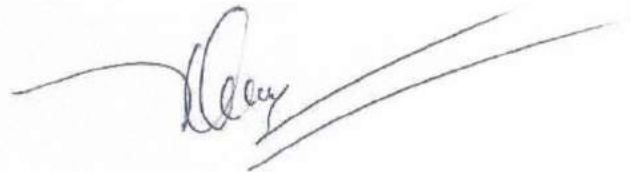
Hiện là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đồng ý cho tôi được từ nhiệm vai trò thành viên Ban Kiểm soát kể từ kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, vì lý do gia đình.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn xem xét và thông qua đơn từ nhiệm của tôi!

Tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe.

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Võ Thị Bích Phượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN NHIỆM KỲ 2019-2024 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn;

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn (Công ty) tiến hành họp bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2019 – 2024 theo các quy định sau:

1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử:

1.1 Nguyên tắc:

- Việc bầu bổ sung thành viên thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) phải đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ Công ty.
- Hình thức thực hiện: bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Kết quả biểu quyết được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự họp.
- Cổ đông/ người được ủy quyền tham dự họp, chỉ được sử dụng một phiếu biểu quyết liên quan đến nội dung bầu cử nhất định (phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội in và gửi cho từng cổ đông khi cổ đông thực hiện thủ tục tham dự Đại hội, có mã cổ đông, có đóng dấu treo của Công ty).
- Danh sách Ban kiểm phiếu phải được Đại hội thông qua, thành viên của Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử/ ứng cử.
- Việc bầu bổ sung phải đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

1.2 Đối tượng có quyền bầu cử:

Là các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 23/3/2021) có mặt tại ĐHCĐ.

2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024:

2.1 Số lượng: 01 thành viên.

2.2 Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;
- Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

2.3 Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên BKS:

3.1 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên BKS:

- Đơn ứng cử (đề cử) tham gia BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh 3x4 chụp không quá 3 tháng tính đến ngày ĐHĐCĐ thường niên 2021 (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ: CMND/ hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, chuyên môn.

3.2 Thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên BKS:

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ nhận được hồ sơ trước 8h00 ngày 15/4/2021.

Hồ sơ gửi về:

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262. 3891368 Fax: 0262.3891348

3.3 Hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại ĐHĐCĐ thường niên 2021.

4. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu thành viên BKS thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên BKS được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Cách thức tiến hành bầu cử:

5.1 Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên BKS (Phiếu bầu cử), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu có quyền biểu quyết đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của BKS, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào BKS. Khi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay cho Trưởng Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu.
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải sử dụng phiếu bầu theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức Đại hội phát được đóng dấu tròn của Công ty.

5.2 Cách ghi phiếu bầu:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.
- Trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

5.3 Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

5.3.1 Phiếu bầu hợp lệ:

Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Sử dụng phiếu bầu do Ban tổ chức Đại hội phát có đóng dấu tròn của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Bầu cho những ứng viên BKS có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Phiếu bầu không bị tẩy xóa, cạo sửa. Nếu phiếu bầu cử có gạch xóa tên do nhầm lẫn thì người bầu phải ký tên vào chỗ gạch xóa hoặc báo cáo Ban kiểm phiếu xin đổi phiếu bầu lại.

5.3.2 Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu được xem là không hợp lệ nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không có đóng dấu tròn của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên BKS được bầu;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Các phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

6. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

6.1 Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử (đề cử) vào BKS.

6.2 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm sau:

- Tóm tắt quy định về bầu cử.
- Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Kiểm tra việc bỏ phiếu của các cổ đông, hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Tổ chức kiểm phiếu;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
- Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa.

6.3 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu sẽ lập 01 thùng phiếu bầu bổ sung thành viên BKS. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

7. Nguyên tắc trúng cử thành viên BKS:

Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu.

Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

8. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:

Trong trường hợp có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, BKS sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

9. Hiệu lực thi hành:

Quy chế có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Số: ... /TTr-HĐQT-BDHC

Đắk Lắk, ngày ... tháng ... năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ (2019 – 2024)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/ ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
- Căn cứ kết quả biểu quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2021 về việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Võ Thị Bích Phượng;
- Căn cứ Thư ứng cử của Bà Trần Tuyết Loan ngày 28/3/2021.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

1. Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ năm 2021: 01 người.
2. Đề cử Bà Trần Tuyết Loan – Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2019 – 2024).

(Sơ yếu lý lịch của Bà Trần Tuyết Loan như đính kèm)

3. Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên BKS được tập hợp theo tiêu chuẩn, điều kiện thành viên BKS và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Thành Danh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

Tôi tên là: **TRẦN TUYẾT LOAN**

Ngày sinh: 02/05/1978

Địa chỉ thường trú: 2249 Tổ 15, khu phố 6, phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0909.434.060.

Số CMND: 077178001030 Ngày cấp: 18/09/2018 Tại: Cục Trưởng CCS ĐKQL Cư trú & DLQG về dân cư.

Trình độ học vấn: Đại học chuyên ngành Quản trị TCKT.

Căn cứ quyết định số 347/QĐ-NĐBR ngày 22/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa về việc “Cử nhân sự tham gia ứng cử vào BKS nhiệm kỳ 2019-2024 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn”.

Tôi đại diện cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa với số lượng đại diện là 15.004.895 cổ phần, tương ứng với 25% vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông ngày 23/3/2021.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Tôi ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Thủy điện Buôn Đôn.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thay thế thành viên BKS của Công ty.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ năm 2019-2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng.

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu
2. Hộ khẩu thường trú
3. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của người ứng cử.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ



Trần Tuyết Loan



**SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA HĐQT- BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
NHIỆM KỲ 2019-2023**

(Dùng cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng)

Họ và tên	TRẦN TUYẾT LOAN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	02/05/1978
Nơi sinh	Nhà bảo sanh huyện Châu Thành, TX Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Số CMND/CCCD	077178001030 Ngày cấp: 18/9/ 2019; Nơi cấp: Cục Trưởng CCS ĐKQL Cư trú & DLQG về dân cư
Địa chỉ thường trú	2249 -KP 6, Đường Lê Lợi, P. Phước Hiệp, TP Bà Rịa, Tỉnh BRVT
ĐT liên lạc ở cơ quan	02542 212 207
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Chuyên viên Tài chính kế toán, thuế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 3/2003 đến tháng 9/2003: kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí tại Công ty TNHH Phú Thịnh (Công ty chuyên về xây lắp, đấu thầu công trình đường) và sau đó xin nghỉ việc - 02/10/2003 - 2010: chuyên viên kế toán vật tư, kế toán chi phí giá thành SP nước Power tại Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa - 2011-2018: chuyên viên kế toán ngân hàng, kế toán CCDC, kế toán thuế tại Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa - 2018-2021: chuyên viên kế toán ngân hàng, kế toán thuế, kế toán công nợ tại Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chuyên viên kế toán ngân hàng, kế toán thuế, kế toán công nợ	

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không			
Hành vi vi phạm pháp luật : Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không			
Số cổ phiếu nắm giữ tại tổ chức phát hành: Không			
Trong đó:			
- Sở hữu:			
- Đại diện sở hữu:			
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của BTP			
Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ	Chiếm tỷ lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không			
Lợi ích liên quan đối với Công ty			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN HUY

Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Torán Nguyệt Loan.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

số: 077178001030

Họ và tên: **TRẦN TUYẾT LOAN**

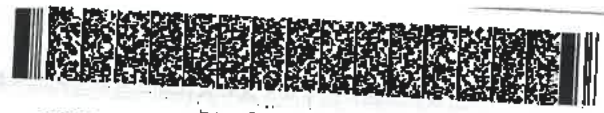
Ngày, tháng, năm sinh: 02/05/1978

Giới tính: Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi thường trú: Khu phố 6, Phường Hiệp Phước, Huyện Phước Hải, Thành phố Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu

06 giá trị đến: 02/05/2038



Đặc điểm nhân dạng: Nốt ruồi c.1,2cm trên trước đầu mắt phải



Ngày 18 tháng 09 năm 2018
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
BKQL CƯ TRÚ VÀ DLQG VỀ DÂN CƯ



Trần Quốc Sáng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG YU SANG CHINH
Số tháng 10/07776 Quyền số 10/21 SGT/BS

Ngày 15-04-2021



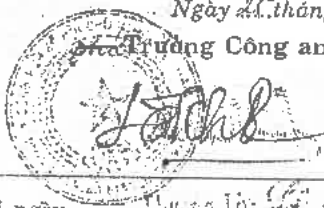
**CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN**

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cơ

- Họ và tên Trần Nguyệt Loan
- Bí danh (Tên thường gọi)
- Ngày sinh 1978 Nam, Nữ
- Nơi sinh Bà Rịa
- Nguyên quán Long Hải, TX. Bà Rịa
- Dân tộc Kinh Tôn giáo Phật
- Nghề nghiệp Học Sinh
- Nơi làm việc
- Giấy CMND số 273.021.526
- Ngày cấp
- Nơi cấp
- Chuyển đến ngày
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 26 tháng 10 năm 96

Trưởng Công an TX. Bà Rịa



Chuyển đi ngày 27.10.1997

Nơi chuyển đến

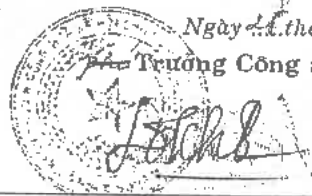
Trưởng công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Phụ

- Họ và tên Trần Thị Mỹ Liên Nhi
- Bí danh (Tên thường gọi)
- Ngày sinh 1990 Nam, Nữ
- Nơi sinh Bà Rịa
- Nguyên quán Bà Rịa
- Dân tộc Kinh Tôn giáo Phật
- Nghề nghiệp Học Sinh
- Nơi làm việc
- Giấy CMND số
- Ngày cấp
- Nơi cấp
- Chuyển đến ngày
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 26 tháng 10 năm 96

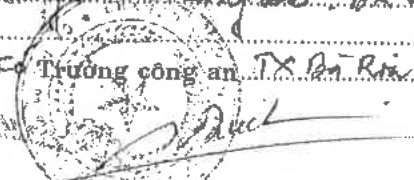
Trưởng Công an TX. Bà Rịa



Chuyển đi ngày 27.10.1997

Nơi chuyển đến Sông Hàn, Long Đất, BR.VT.

Trưởng công an TX. Bà Rịa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Dân lập Kỹ thuật Công nghệ TP HCM
cấp

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **007780** Quyển số **01/2021-SCT/BS**
BẰNG TỐT NGHIỆP
DAI HOC



Ngày **15-04-2021** loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành *Quản trị kinh doanh tài chính ngân hàng*

hạng *Khá* năm tốt nghiệp **2000**

và công nhận danh hiệu

Cử nhân Kinh tế

cho *Trần Tuyết Loan*

sinh ngày *2-5-78* tại *Bà Rịa - Vũng Tàu*

ngày *6* tháng *10* năm *2000*

Số hiệu bằng

c.225428

Chữ ký của người được cấp bằng



CÔNG CHỨNG VIỆN
TRẦN VĂN TIẾN



Nguyễn Quốc Bảo
Giảng Viên Cao Cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHỨNG CHỈ
TIN HỌC ỨNG DỤNG**

Trình độ B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thư 007777 Quyển số 01/2021-SCT/BS

Ngày 15-04-2021



**CÔNG CHỨNG VIỆN
TRẦN VĂN TIẾN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH

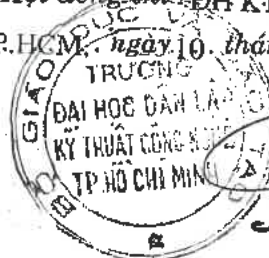
Cấp cho **TRẦN TUYẾT LOAN**

Sinh ngày 2/5/1978 Tại Vũng Tàu

Đã dự kì thi ngày 26/03/1999 - 2000

Tại Hội đồng thi ĐH KT-CN ..Đạt loại T.BÌNH

TP.HCM, ngày 10 tháng 05 năm 1999 - 2000



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Bảo
Giảng viên cao cấp

B..... 26153

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC ĐIỆN 2

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÀO TẠO**



CÔNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 0 7 7 7 8

Ngày 15-04-2021



Vào sổ số : 1389

Ngày : 01 / 10 / 2004

**CÔNG CHỨNG VIỆN
TRẦN VĂN TIẾN**

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC ĐIỆN 2

Cấp cho : *Trần Tuyết Loan*

Sinh ngày : 02 / 05 / 1978

Tại : *Vũng Tàu*

Đã hoàn thành khóa đào tạo (bồi dưỡng)

BĐ nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp

Thời gian : từ 26/03/2004 đến 13/08/2004

Theo quyết định số : 182 / QĐ / EVN / THĐ 2.1

Ngày 30 tháng 09 năm 2004

của *Hiệu Trưởng Trường* THĐ 2 XL: *Giới*



Hôm nay 01 tháng 10 năm 2004

TRƯỞNG

Trần Nghiệp

44/AL



CENTER FOR RESEARCHING, STAFF
 TRAINING & TAX - ACCOUNTING - FINANCE
 CONSULTANCY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
 NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO CÁN BỘ VÀ TƯ VẤN
 TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - THUẾ

CERTIFICATE
 THIS IS CERTIFY THAT

Ms. Tran Tuyet Loan

Chứng nhận Ông / Bà : *Trần Tuyết Loan*

Date of birth: *2-May-1978*

Ngày sinh: *02/05/1978*

Place of birth: *Ba Ria*

Nơi sinh: *Bà Rịa*

Has successfully completed:

Đã hoàn thành khoá học:

Corporate Finance Inspection Course

Thanh - kiểm tra tài chính Doanh nghiệp

Course duration: *21/10/2006 - 22/10/2006*

Thời gian học: *21/10/2006 - 22/10/2006*

Place of course: *Vung Tau City*

Tại: *TP. Vũng Tàu*

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2006

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực 007781
 Ngày 15-04-2021
 Quyển số 10021/SCT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN
 TRẦN VĂN TIẾN**

Giám đốc



Registered No: *1611/...CENSTAF*

Đăng ký số : *CENSTAF/1611*

Trần Huy Hoàng



TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC DẦU KHÍ
PETROVIETNAM MANPOWER TRAINING COLLEGE

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO
Certificate of training

Cấp cho/ this is to certify that: **TRẦN TUYẾT LOAN**

Đã hoàn thành khóa học
Has successfully completed the training course
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC LUẬT ĐẦU THẦU
PROFESIONAL REFRESHER COURSE IN PROCUREMENT

Thời gian / Duration: 14 giờ / 14 hours
Từ / From : 10/08/2006 *đến / to:* 11/08/2006

Một số nội dung khóa học / Course contents:

- *Một số nội dung cơ bản về công tác đầu thầu ở Việt Nam*
Fundamental content of procurement in Vietnam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 07779 Quyền số 01/2021-SC/BS

Ngày 15-04-2021



GIẢNG VIÊN

mh

CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN

TS.Ngô Minh Hải
Viện nghiên cứu quản lý Kinh Tế TW
Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Cấp ngày/Date : 11/08/2006
Số CN/Cert.No : 06/000 935 /TĐTNLDK



HIỆU TRƯỞNG

Rector

LÊ MINH HỒNG